

Khối ngoại bán mạnh VIC

Hoạt động giao dịch trong nước

Trong tuần trước, thanh khoản thị trường được cải thiện nhẹ 8.7%, lên mức 221 nghìn tỷ đồng. Cá nhân trong nước gia tăng quy mô giao dịch ở mức 10%. Bên cạnh đó, tổ chức nước ngoài cũng tăng quy mô giao dịch 16%. Ở chiều ngược lại, tổ chức trong nước giảm 12%.

Cá nhân trong nước trở thành nhóm mua chủ đạo khi giá trị mua ròng đạt 6.9 nghìn tỷ đồng. Ở chiều ngược lại, tổ chức trong nước và nước ngoài bán ròng lần lượt 2.1 nghìn tỷ và 4.8 nghìn tỷ đồng.

Hoạt động giao dịch tự doanh

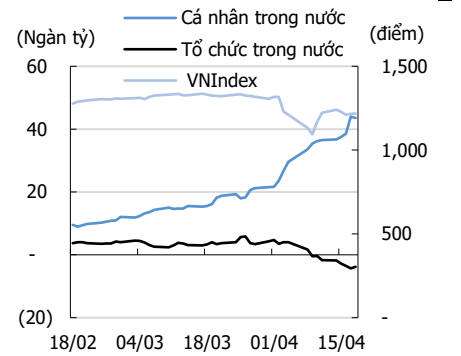
Tự doanh tiếp tục bán ròng tuần thứ 2 liên tiếp ở mức 925 tỷ đồng. Mức độ bán ròng đã giảm đi đáng kể so với tuần trước. Nhóm này bán ròng chủ yếu trên FPT (-128 tỷ đồng), STB (-119 tỷ đồng). Ở chiều ngược lại, lực cầu chủ yếu tập trung vào VIX (+125 tỷ đồng). Các mã còn lại không có mã nào được mua ròng trên 60 tỷ đồng.

Hoạt động giao dịch khối ngoại

Khối ngoại tiếp tục bán ròng tuần thứ 11 liên tiếp với giá trị 4.8 nghìn tỷ đồng. Áp lực bán có phần suy giảm so với tuần trước. Tính từ đầu năm đến nay, khối ngoại đã bán ròng 14/16 tuần, với tổng giá trị bán ròng khoảng 39.6 nghìn tỷ đồng.

Khối ngoại bán ròng 10 cổ phiếu với giá trị trên 100 tỷ đồng. Đáng chú ý, áp lực chủ yếu đến từ VIC (-4.3 nghìn tỷ đồng). Bên cạnh đó, HCM (-371 tỷ đồng), FPT (-344 tỷ đồng), VNM (-390 tỷ đồng) và GMD (-204 tỷ đồng) cũng bị bán ròng đáng kể. Ở chiều ngược lại, khối này mua ròng 6 mã với giá trị trên 200 tỷ đồng, nổi bật gồm HPG (+534 tỷ đồng), MWG (+377 tỷ đồng), ACB (+302 tỷ đồng), VCI (+271 tỷ đồng), VHM (+271 tỷ đồng) và HVN (+209 tỷ đồng).

Hình 1. Giá trị tích lũy ròng



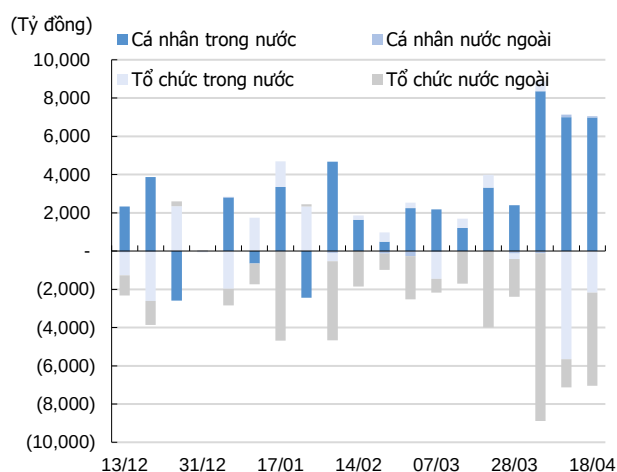
Nguồn: FiinproX, KIS Research
Lưu ý: Giá trị tích lũy tính từ tháng 1/23

Bảng 1: Hoạt động giao dịch theo nhóm nhà đầu tư

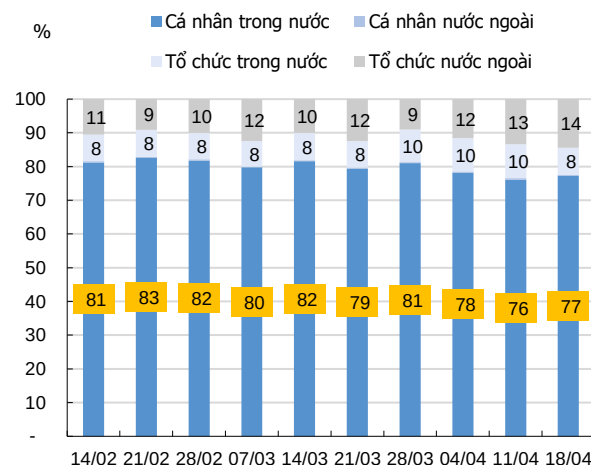
Nhóm nhà đầu tư	Giá trị mua (nghìn tỷ đồng)				Giá trị bán (nghìn tỷ đồng)				Giá trị ròng (nghìn tỷ đồng)			
	1W	1M	3M	YTD	1W	1M	3M	YTD	1W	1M	3M	YTD
Cá nhân nước ngoài	6.3	38.0	95.9	197.6	8.4	45.6	101.0	189.7	(2.1)	(7.6)	(5.2)	7.8
Cá nhân trong nước	70.0	359.1	908.7	1,583.7	63.3	334.4	870.9	1,529.6	6.8	24.7	37.8	54.2
Tổ chức nước ngoài	10.2	45.5	114.2	201.2	14.9	62.6	146.3	262.7	(4.7)	(17.1)	(32.1)	(61.5)
Tổ chức trong nước	0.2	1.4	3.1	5.4	0.2	1.5	3.7	5.9	0.0	(0.1)	(0.6)	(0.5)
Tự doanh	1.9	15.2	41.1	81.1	2.7	18.5	43.2	82.3	(0.8)	(3.3)	(2.1)	(1.2)

Nguồn: FiinproX, KIS Research

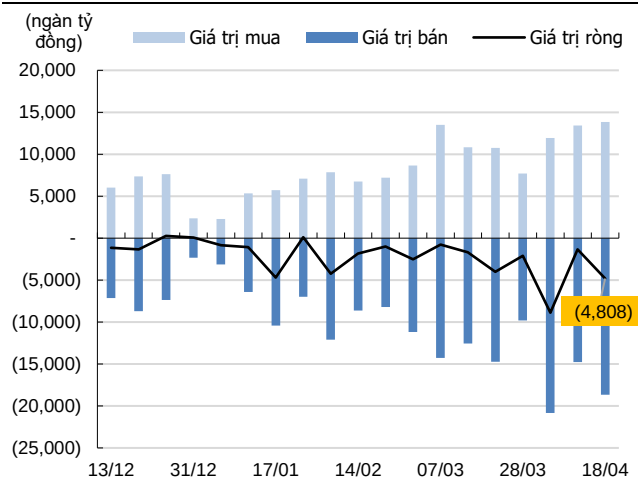
Research Dept
Researchdept@kisvn.vn

Hình 2. Diễn biến giao dịch theo nhóm nhà đầu tư

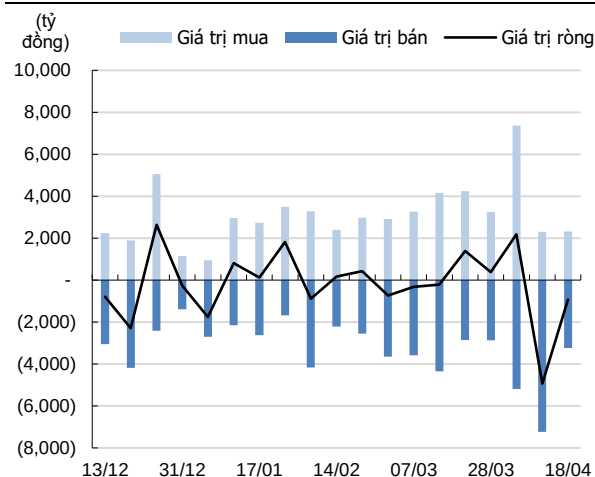
Nguồn: FiinproX, KIS Research

Hình 3. Tỷ trọng giá trị giao dịch theo nhóm nhà đầu tư

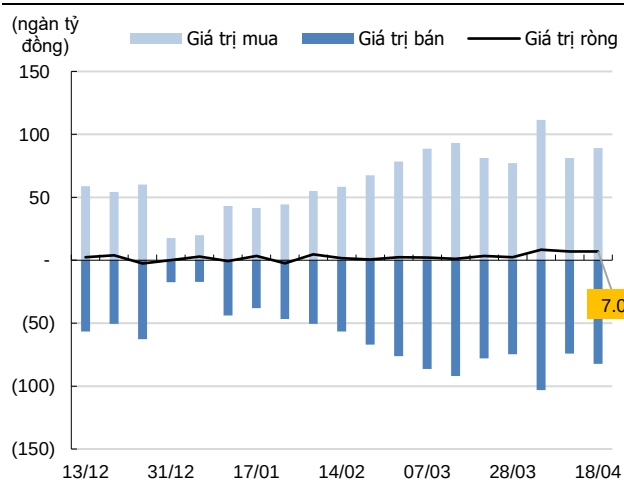
Nguồn: FiinproX, KIS Research

Hình 4. Giao dịch từ nhà đầu tư nước ngoài

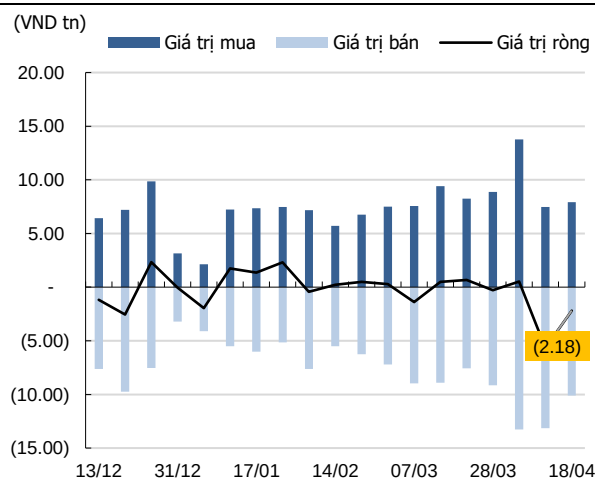
Nguồn: FiinproX, KIS Research

Hình 5. Giao dịch tự doanh

Nguồn: FiinproX, KIS Research

Hình 6. Giao dịch từ nhà đầu tư cá nhân trong nước

Nguồn: FiinproX, KIS Research

Hình 7. Giao dịch từ nhà đầu tư tổ chức trong nước

Nguồn: FiinproX, KIS Research

Bảng 2. CP mua ròng của cá nhân trong nước (đồng, %tuần, tỷ đồng)

Mã	Ngành	%	Mua	Bán	Ròng
VIC	Tài chính	1.5	7,704.0	(3,410.8)	4,293.2
FPT	Công nghệ Thông tin	(5.8)	3,912.1	(3,294.9)	617.2
KBC	Tài chính	(8.0)	1,625.2	(1,087.6)	537.6
HCM	Tài chính	(2.6)	1,753.0	(1,368.0)	385.0
GMD	Công nghiệp	5.8	780.2	(399.0)	381.1
CTG	Ngân hàng	(2.5)	1,421.4	(1,112.9)	308.5
SSI	Tài chính	(0.4)	2,782.1	(2,581.8)	200.3
VNM	Hàng Tiêu dùng	(1.6)	884.7	(684.7)	200.0
GVR	Nguyên vật liệu	(5.8)	589.3	(398.8)	190.5
STB	Ngân hàng	1.8	2,233.8	(2,053.0)	180.8

Nguồn: FiinproX, KIS Research

Bảng 3. CP bán ròng của cá nhân trong nước (đồng, %tuần, tỷ đồng)

Mã	Ngành	%	Mua	Bán	Ròng
HPG	Nguyên vật liệu	4.7	3,009.8	(3,594.7)	(584.8)
MWG	Dịch vụ Tiêu dùng	6.2	1,595.7	(1,992.7)	(397.0)
VCI	Tài chính	2.1	1,491.8	(1,732.1)	(240.4)
HVN	Dịch vụ Tiêu dùng	6.0	738.5	(952.4)	(213.9)
VCG	Công nghiệp	5.3	1,456.1	(1,572.7)	(116.6)
VHM	Tài chính	2.8	2,691.6	(2,804.0)	(112.4)
DCM	Nguyên vật liệu	7.1	285.1	(395.2)	(110.1)
VIX	Tài chính	6.7	3,054.0	(3,162.0)	(108.0)
ACB	Ngân hàng	(1.4)	981.1	(1,070.8)	(89.7)
BMP	Công nghiệp	4.0	198.1	(286.0)	(87.9)

Nguồn: FiinproX, KIS Research

Bảng 4. CP mua ròng của tổ chức trong nước (đồng, %tuần, tỷ đồng)

Mã	Ngành	%	Mua	Bán	Ròng
DCM	Nguyên vật liệu	7.1	130.5	(9.9)	120.6
DGC	Nguyên vật liệu	5.9	179.8	(84.8)	94.9
CTD	Công nghiệp	3.9	96.7	(4.0)	92.7
VNM	Hàng Tiêu dùng	(1.6)	251.7	(161.1)	90.6
VIX	Tài chính	6.7	178.5	(101.8)	76.8
BAF	Hàng Tiêu dùng	4.3	78.2	(9.7)	68.5
VIC	Tài chính	1.5	260.3	(192.1)	68.1
VGC	Công nghiệp	9.7	68.5	(0.9)	67.6
SHB	Ngân hàng	5.8	162.6	(95.1)	67.5
NAB	Ngân hàng	(2.7)	59.9	(0.7)	59.1

Nguồn: FiinproX, KIS Research

Bảng 5. CP bán ròng của tổ chức trong nước (đồng, %tuần, tỷ đồng)

Mã	Ngành	%	Mua	Bán	Ròng
KBC	Tài chính	(8.0)	28.4	(414.3)	(385.9)
FPT	Công nghệ Thông tin	(5.8)	621.6	(894.7)	(273.1)
ACB	Ngân hàng	(1.4)	222.9	(435.3)	(212.4)
GMD	Công nghiệp	5.8	110.2	(287.2)	(177.0)
GEX	Công nghiệp	20.4	60.5	(220.5)	(160.0)
VHM	Tài chính	2.8	338.5	(489.7)	(151.2)
CTG	Ngân hàng	(2.5)	87.9	(238.8)	(150.9)
PVD	Dầu khí	(0.3)	3.4	(113.9)	(110.5)
EIB	Ngân hàng	6.5	110.0	(219.9)	(109.9)
GVR	Nguyên vật liệu	(5.8)	11.3	(121.0)	(109.8)

Nguồn: FiinproX, KIS Research

Bảng 6. CP mua ròng của tổ chức nước ngoài (đồng, %tuần, tỷ đồng)

Mã	Ngành	%	Mua	Bán	Ròng
HPG	Nguyên vật liệu	4.7	863.1	(324.2)	538.9
MWG	Dịch vụ Tiêu dùng	6.2	881.1	(502.6)	378.5
ACB	Ngân hàng	(1.4)	589.9	(289.1)	300.8
VCI	Tài chính	2.1	417.4	(146.9)	270.5
VHM	Tài chính	2.8	1,115.8	(846.7)	269.2
HVN	Dịch vụ Tiêu dùng	6.0	273.4	(60.7)	212.7
BMP	Công nghiệp	4.0	116.1	(28.5)	87.6
VCG	Công nghiệp	5.3	196.8	(110.4)	86.4
MSN	Hàng Tiêu dùng	1.6	198.8	(119.2)	79.5
TCB	Ngân hàng	(2.3)	273.9	(194.8)	79.0

Nguồn: FiinproX, KIS Research

Bảng 7. CP bán ròng của tổ chức nước ngoài (đồng, %tuần, tỷ đồng)

Mã	Ngành	%	Mua	Bán	Ròng
VIC	Tài chính	1.5	797.7	(5,169.2)	(4,371.5)
HCM	Tài chính	(2.6)	106.7	(479.4)	(372.7)
FPT	Công nghệ Thông tin	(5.8)	1,803.4	(2,163.3)	(359.9)
VNM	Hàng Tiêu dùng	(1.6)	212.2	(502.1)	(289.9)
GMD	Công nghiệp	5.8	213.9	(420.2)	(206.4)
KBC	Tài chính	(8.0)	95.3	(251.5)	(156.1)
CTG	Ngân hàng	(2.5)	193.4	(344.8)	(151.4)
DGC	Nguyên vật liệu	5.9	63.0	(194.1)	(131.1)
VRE	Tài chính	5.2	132.9	(255.2)	(122.3)
SSI	Tài chính	(0.4)	122.8	(243.5)	(120.6)

Nguồn: FiinproX, KIS Research

Bảng 8. CP mua ròng của cá nhân nước ngoài (đồng, %tuần, tỷ đồng)

Mã	Ngành	%	Mua	Bán	Ròng
GEX	Công nghiệp	20.4	32.2	(9.1)	23.1
FPT	Công nghệ Thông tin	(5.8)	27.7	(11.8)	15.8
VIC	Tài chính	1.5	29.6	(19.4)	10.2
VPB	Ngân hàng	(2.9)	16.2	(6.3)	9.9
VTP	Công nghiệp	(9.8)	9.8	(1.0)	8.8
STB	Ngân hàng	1.8	9.9	(4.2)	5.6
LHG	Tài chính	(3.7)	4.9	0.0	4.9
KBC	Tài chính	(8.0)	5.4	(0.9)	4.4
DGC	Nguyên vật liệu	5.9	11.7	(7.4)	4.3
FMC	Hàng Tiêu dùng	(4.6)	3.5	0.0	3.5

Nguồn: FiinproX, KIS Research

Bảng 9. CP bán ròng của cá nhân nước ngoài (đồng, %tuần, tỷ đồng)

Mã	Ngành	%	Mua	Bán	Ròng
VRE	Tài chính	5.2	0.4	(15.4)	(15.1)
MBB	Ngân hàng	(0.9)	4.2	(12.8)	(8.6)
CTG	Ngân hàng	(2.5)	4.7	(11.0)	(6.3)
VHM	Tài chính	2.8	18.1	(23.7)	(5.6)
HPG	Nguyên vật liệu	4.7	4.8	(9.2)	(4.4)
HDB	Ngân hàng	0.5	1.9	(6.1)	(4.2)
MSB	Ngân hàng	0.9	0.4	(4.4)	(4.0)
HVN	Dịch vụ Tiêu dùng	6.0	0.6	(4.1)	(3.4)
TCL	Công nghiệp	4.1	0.0	(3.2)	(3.2)
VND	Tài chính	8.7	11.2	(14.1)	(3.0)

Nguồn: FiinproX, KIS Research

Bảng 10. Top 10 CP mua ròng của khối ngoại (đồng, %tuần, tỷ đồng)

Mã	Ngành	%	Mua	Bán	Ròng
HPG	Nguyên vật liệu	4.7	867.9	(333.4)	534.6
MWG	Dịch vụ Tiêu dùng	6.2	888.8	(510.8)	378.0
ACB	Ngân hàng	(1.4)	591.5	(289.3)	302.1
VCI	Tài chính	2.1	418.7	(147.2)	271.5
VHM	Tài chính	2.8	1,133.9	(870.3)	263.6
HVN	Dịch vụ Tiêu dùng	6.0	274.0	(64.8)	209.2
VCG	Công nghiệp	5.3	197.6	(110.5)	87.1
BMP	Công nghiệp	4.0	117.0	(30.8)	86.2
GEX	Công nghiệp	20.4	196.3	(111.8)	84.5
MSN	Hàng Tiêu dùng	1.6	204.0	(121.0)	82.9

Nguồn: FiinproX, KIS Research

Bảng 11. Top 10 CP bán ròng của khối ngoại (đồng, %tuần, tỷ đồng)

Mã	Ngành	%	Mua	Bán	Ròng
VIC	Tài chính	1.5	827.3	(5,188.6)	(4,361.3)
HCM	Tài chính	(2.6)	108.4	(480.2)	(371.8)
FPT	Công nghệ Thông tin	(5.8)	1,831.0	(2,175.1)	(344.1)
VNM	Hàng Tiêu dùng	(1.6)	217.4	(508.0)	(290.7)
GMD	Công nghiệp	5.8	220.9	(425.1)	(204.1)
CTG	Ngân hàng	(2.5)	198.2	(355.8)	(157.6)
KBC	Tài chính	(8.0)	100.7	(252.4)	(151.7)
VRE	Tài chính	5.2	133.3	(270.6)	(137.3)
DGC	Nguyên vật liệu	5.9	74.7	(201.4)	(126.7)
SSI	Tài chính	(0.4)	131.2	(251.1)	(119.9)

Nguồn: FiinproX, KIS Research

Bảng 12. Top CP mua ròng của tự doanh (đồng, %tuần, tỷ đồng)

Mã	Sàn	%	Mua	Bán	Ròng
VIX	Tài chính	6.7	129.1	(3.2)	125.9
VGC	Công nghiệp	9.7	57.5	0.0	57.5
BSR	Dầu khí	(1.2)	44.4	0.0	44.4
EIB	Ngân hàng	6.5	27.3	(7.0)	20.3
MSN	Hàng Tiêu dùng	1.6	68.6	(55.5)	13.2
VCG	Công nghiệp	5.3	10.9	(0.5)	10.4
FUEVFVND	Tài chính	0.3	55.6	(49.3)	6.3
HDG	Tài chính	5.0	7.0	(1.1)	5.8
TCH	Tài chính	2.5	5.1	0.0	5.1
CMG	Công nghệ Thông tin	(1.5)	3.4	0.0	3.4

Nguồn: FiinproX, KIS Research

Bảng 13. Top CP bán ròng của tự doanh (đồng, %tuần, tỷ đồng)

Mã	Ngành	%	Mua	Bán	Ròng
FPT	Công nghệ Thông tin	(5.8)	263.7	(392.0)	(128.2)
STB	Ngân hàng	1.8	56.6	(175.7)	(119.1)
GEX	Công nghiệp	20.4	7.2	(97.3)	(90.1)
CTG	Ngân hàng	(2.5)	34.1	(110.2)	(76.1)
ACB	Ngân hàng	(1.4)	107.5	(161.0)	(53.5)
KOS	Tài chính	(0.1)	0.0	(53.5)	(53.5)
HPG	Nguyên vật liệu	4.7	277.7	(322.4)	(44.7)
E1VFN30	Tài chính	(0.2)	28.8	(73.1)	(44.3)
NLG	Tài chính	(4.4)	2.9	(37.6)	(34.7)
PNJ	Hàng Tiêu dùng	1.1	9.4	(43.8)	(34.4)

Nguồn: FiinproX, KIS Research

Global Disclaimer

■ General

This research report and marketing materials for Vietnamese securities are originally prepared and issued by the Research Center of KIS Vietnam Securities Corp., an organization licensed with the State Securities Commission of Vietnam. The analyst(s) who participated in preparing and issuing this research report and marketing materials is/are licensed and regulated by the State Securities Commission of Vietnam in Vietnam only. This report and marketing materials are copyrighted and may not be copied, redistributed, forwarded or altered in any way without the consent of KIS Vietnam Securities Corp..

This research report and marketing materials are for information purposes only. They are not and should not be construed as an offer or solicitation of an offer to purchase or sell any securities or other financial instruments or to participate in any trading strategy. This research report and marketing materials do not provide individually tailored investment advice. This research report and marketing materials do not consider individual investor circumstances, objectives or needs, and are not intended as recommendations of particular securities, financial instruments or strategies to any particular investor. The securities and other financial instruments discussed in this research report and marketing materials may not be suitable for all investors. The recipient of this research report and marketing materials must make their own independent decisions regarding any securities or financial instruments mentioned herein and investors should seek the advice of a financial adviser. KIS Vietnam Securities Corp. does not undertake that investors will obtain any profits, nor will it share with investors any investment profits. KIS Vietnam Securities Corp., its affiliates, or their affiliates and directors, officers, employees or agents of each of them disclaim any and all responsibility or liability whatsoever for any loss (director consequential) or damage arising out of the use of all or any part of this report or its contents or otherwise arising in connection therewith. Information and opinions contained herein are subject to change without notice and may differ or be contrary to opinions expressed by other business areas or KIS Vietnam Securities Corp. The final investment decision is based on the client's judgment, and this research report and marketing materials cannot be used as evidence in any legal dispute related to investment decisions.

■ Country-specific disclaimer

United States: This report is distributed in the U.S. by Korea Investment & Securities America, Inc., a member of FINRA/SIPC, and is only intended for major U.S. institutional investors as defined in Rule 15a-6(a)(2) under the U.S. Securities Exchange Act of 1934. All U.S. persons that receive this document by their acceptance thereof represent and warrant that they are a major U.S. institutional investor and have not received this report under any express or implied understanding that they will direct commission income to Korea Investment & Securities, Co., Ltd. or its affiliates. Pursuant to Rule 15a-6(a)(3), any U.S. recipient of this document wishing to affect a transaction in any securities discussed herein should contact and place orders with Korea Investment & Securities America, Inc., which accepts responsibility for the contents of this report in the U.S. The securities described in this report may not have been registered under the U.S. Securities Act of 1933, as amended, and, in such case, may not be offered or sold in the U.S. or to U.S. person absent registration or an applicable exemption from the registration requirement.

United Kingdom: This report is not an invitation nor is it intended to be an inducement to engage in investment activity for the purpose of section 21 of the Financial Services and Markets Act 2000 of the United Kingdom ("FSMA"). To the extent that this report does constitute such an invitation or inducement, it is directed only at (i) persons who are investment professionals within the meaning of Article 19(5) of the Financial Services and Markets Act 2000 (Financial Promotion) Order 2005 (as amended) of the United Kingdom (the "Financial Promotion Order"); (ii) persons who fall within Articles 49(2)(a) to (d) ("high net worth companies, unincorporated associations etc.") of the Financial Promotion Order; and (iii) any other persons to whom this report can, for the purposes of section 21 of FSMA, otherwise lawfully be made (all such persons together being referred to as "relevant persons"). Any investment or investment activity to which this report relates is available only to relevant persons and will be engaged in only with relevant persons. Persons who are not relevant persons must not act or rely on this report.

Hong Kong: This research report and marketing materials may be distributed in Hong Kong to institutional clients by Korea Investment & Securities Asia Limited (KISA), a Hong Kong representative subsidiary of Korea Investment & Securities Co., Ltd., and may not otherwise be distributed to any other party. KISA provides equity sales service to institutional clients in Hong Kong for Korean securities under its sole discretion, and is thus solely responsible for provision of the aforementioned equity selling activities in Hong Kong. All requests by and correspondence with Hong Kong investors involving securities discussed in this report and marketing materials must be affected through KISA, which is registered with The Securities & Futures Commission (SFC) of Hong Kong. Korea Investment & Securities Co., Ltd. is not a registered financial institution under Hong Kong's SFC.

Singapore: This report is provided pursuant to the financial advisory licensing exemption under Regulation 27(1)(e) of the Financial Advisers Regulation of Singapore and accordingly may only be provided to persons in Singapore who are "institutional investors" as defined in Section 4A of the Securities and Futures Act, Chapter 289 of Singapore. This report is intended only for the person to whom Korea Investment & Securities Co., Ltd. has provided this report and such person may not send, forward or transmit in any way this report or any copy of this report to any other person. Please contact Korea Investment & Securities Singapore Pte Ltd in respect of any matters arising from, or in connection with, the analysis or report (Contact Number: 65 6501 5600).

Copyright © 2025 KIS Vietnam Securities Corp. All rights reserved. No part of this report may be reproduced or distributed in any manner without permission of KIS Vietnam Securities Corp.